

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2023/HC-PT

Ngày 19/4/2023

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành  
chính, hành vi hành chính về lĩnh vực  
quản lý đất đai*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*      ông Phạm Ngọc Thái

*Các Thẩm phán:*                              ông Lê Phước Thanh

   ông Trương Công Thi

***Thư ký phiên tòa:*** bà Đinh Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên  
tòa:*** ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa trực tuyến xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 302/2022/TLPT-HC ngày 14/11/2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 78/2022/HC-ST ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 992/2023/QĐ-PT ngày 23 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* ông Nguyễn H, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1971; Cùng địa chỉ: tổ 4, thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Luật sư Nguyễn Thành Q – Văn phòng luật sư T1, Đoàn luật sư tỉnh Quảng Nam; Có mặt.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

*Người đại diện theo ủy quyền:* bà Phan Thị N - Phó Chủ tịch UBND huyện T. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:*

+ Ông Trương Công H2 - Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

+ Ông Lê Quốc H3 - Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất và Công nghiệp dịch vụ T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Tổng công ty Đầu tư phát triển Đ; Địa chỉ: 219 phường T2, phường Y, quận C, Thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo uỷ quyền:* ông Lê Anh T3 – Phó Giám đốc phụ trách Ban Quản lý dự án đường cao tốc Đ1; Địa chỉ: Km4, Trung tâm điều hành đường cao tốc Đ1, thôn L, xã H2, huyện H3, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tiến hành tố tụng; người khởi kiện ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị H1 trình bày:*

Tại Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam ban hành đã hủy bỏ các quyết định thu hồi đất liên quan đến việc thu hồi đất của hộ gia đình ông Nguyễn H để thực hiện dự án xây dựng Đ1 đoạn xã B, huyện T; với lý do ở phần căn cứ là “Theo Công văn số 324/BQLĐNQN-VPHL ngày 09/5/2016 của Ban quản lý dự án Đ1” trong khi các Quyết định thu hồi đất căn cứ vào Quyết định số 2020 ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh Quảng Nam và Quyết định số 2656 ngày 10/9/2010 của Bộ Giao thông Vận tải là không đúng quy định của pháp luật.

Hiện nay công trình đường cao tốc đã được xây dựng xong đi vào hoạt động. Do nhà và diện tích đất ở của hộ ông Nguyễn H nằm trong hành lang an toàn của Đ1 nên dẫn đến nhà bị rung và nước ngập rất nguy hiểm, tài sản của gia đình cũng bị ảnh hưởng nhưng không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết.

Người khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện T ban hành quyết định thu hồi đất; quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị H1 đối với thửa đất số 854, tờ bản đồ số 05, diện tích 272m<sup>2</sup> tại địa chỉ: tổ 5, thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam theo đúng quy định của pháp luật.

- Hủy Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 của UBND huyện T về việc hủy bỏ các quyết định thu hồi đất đối với gia đình ông Nguyễn H.

Tại phiên toà sơ thẩm, người khởi kiện xin rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu hủy Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 của UBND huyện T

về việc huỷ bỏ các Quyết định thu hồi đất số 195/QĐ-UBND ngày 18/4/2014, số 367/QĐ-UBND ngày 17/7/2015, số 402/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 đối với hộ ông Nguyễn H.

*Tại Văn bản số 1187/UBND-TNMT ngày 10/11/2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện T trình bày:*

Để thực hiện dự án xây dựng Đ1, UBND huyện T ban hành Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 18/4/2014; Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 17/7/2015 về việc thu hồi đất hộ ông Nguyễn H; Quyết định số 402/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 của UBND huyện T về việc đính chính Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 18/4/2014.

Theo các Quyết định thu hồi đất nêu trên, UBND huyện T ban hành Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 21/4/2014; Quyết định số 2387/QĐ-UBND ngày 8/9/2014; Quyết định số 673/QĐ-UBND ngày 27/4/2015; Quyết định số 1453/QĐ-UBND ngày 18/6/2015 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và TĐC dự án Đ1 đoạn qua xã B và ban hành các quyết định số Quyết định số 2422/QĐ-UBND ngày 10/9/2014, Quyết định số 905/QĐ-UBND ngày 28/5/2015, Quyết định số 1509/QĐ-UBND ngày 24/6/2015, Quyết định số 2462/QĐ-UBND ngày 25/9/2015, Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 14/3/2016 của UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn H với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 536.063.104 đồng (Năm trăm ba mươi sáu triệu không trăm sáu mươi ba nghìn một trăm lẻ bốn đồng).

Đối với trường hợp hộ ông Nguyễn H, đơn vị làm công tác bồi thường đã phối hợp với UBND xã B và các cơ quan liên quan tập trung vận động, giải thích nhiều lần và đã trả lời các kiến nghị của hộ ông. Mọi chính sách về bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Nguyễn H đều đã được cơ quan thực hiện công tác bồi thường và giải phóng mặt bằng áp dụng đúng và đầy đủ. Nhưng hộ ông vẫn không thống nhất nhận tiền theo quyết định đã phê duyệt của UBND huyện T và không bàn giao mặt bằng cho nhà nước để thi công.

Đến ngày 09/5/2016, Ban QLDA Đ1 ban hành Công văn số 324/BQL.ĐNQN-VPHL về việc thay đổi thiết kế mái dốc mố A2 và bỏ đường gom Km47+123 – Km47+204 xã B, huyện T;

Ngày 13/6/2016, UBND huyện T ban hành Quyết định số 274/QĐ-UBND về việc huỷ quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 18/4/2014, số 367/QĐ-UBND ngày 17/7/2015, số 402/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 của UBND huyện T về việc thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn H.

Ngày 30/12/2016, UBND huyện T ban hành Quyết định số 2741/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh các phương án bồi thường, hỗ trợ và TĐC, dự án xây dựng Đ1.

Ngày 30/12/2016, UBND huyện T ban hành Quyết định số 2777/QĐ-UBND về việc hủy Quyết định số 2422/QĐ-UBND ngày 10/9/2014, Quyết định số 905/QĐ-UBND ngày 28/5/2015, Quyết định số 1509/QĐ-UBND ngày 24/6/2015, Quyết định số 2462/QĐ-UBND ngày 25/9/2015, Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 14/3/2016 của UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn H.

Như vậy, đối với việc thay đổi thiết kế mái dốc mô A2 và bỏ đường gom Km47+123 – Km47+204 xã B, huyện T thì hiện nay hộ ông Nguyễn H không bị ảnh hưởng về đất đai đối với dự án xây dựng Đ1. Do đó, việc ông Nguyễn H buộc UBND huyện T ban hành quyết định thu hồi đất; Quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị H1 đối với thửa đất số 854, tờ bản đồ số 05, diện tích 272m<sup>2</sup> tại tổ 5, thôn M, xã B, huyện T là không có cơ sở để UBND huyện T giải quyết.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tổng công ty Đầu tư phát triển Đ trình bày:*

Việc thay đổi thiết kế mái dốc mô A2 và bỏ đường gom Km47+123 – Km47+204 xã B, huyện T thì hiện nay hộ ông Nguyễn H không bị ảnh hưởng về đất đai đối với dự án xây dựng Đ1. Tuy nhiên, Ban quản lý dự án Đ1 đề nghị UBND huyện T đưa trường hợp ông H vào các vướng mắc để gửi Sở Giao thông tỉnh Quảng Nam tổng hợp gửi UBND tỉnh Quảng Nam có ý kiến gửi Tổng Công ty đầu tư phát triển Đ, Tổng Công ty đầu tư phát triển Đ sẽ xin ý kiến cấp có thẩm quyền về việc thu hồi, bồi thường đối với trường hợp ông H theo đúng quy định của pháp luật.

***Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 78/2022/HC-ST ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:***

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 3; khoản 3, khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; khoản 2, khoản 3 Điều 116; Điều 158; Điều 165; khoản 2 Điều 173; điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1] Đình chỉ yêu cầu của người khởi kiện ông Nguyễn H, bà Nguyễn Thị H1 về yêu cầu: “Hủy Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 của UBND huyện T về việc hủy bỏ các quyết định thu hồi đất đối với gia đình ông Nguyễn H”.

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện: Buộc Ủy ban nhân dân huyện T ban hành quyết định thu hồi đất; quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị H1 đối với thửa đất số 854, tờ bản đồ số 05, diện tích 272m<sup>2</sup> tại địa chỉ: tổ 5, thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam (diện tích

đất ở của hộ ông Nguyễn H nằm trong hành lang an toàn của Đ1) theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, ngày 07/9/2022 người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T kháng cáo với nội dung: kháng cáo toàn bộ bản án đề nghị hủy bản án sơ thẩm do không đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T, đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nêu quan điểm giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính, bác kháng cáo của người bị kiện và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:*

[1] Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa, người bị kiện đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo của người bị kiện thì thấy:

[2.1] Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu hủy Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 của UBND huyện T về việc hủy bỏ các quyết định thu hồi đất đối với gia đình ông Nguyễn H. Căn cứ Điều 165, khoản 2 Điều 173 Luật tổ tụng hành chính, Bản án sơ thẩm chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu này là có căn cứ pháp luật;

[2.2] Hộ ông H, bà H1 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31/12/2008 đối với thửa đất số 854, tờ bản đồ số 05, diện tích 272m<sup>2</sup> tại thôn M, xã B, huyện T, loại đất ở nông thôn, đã có nhà ổn định.

Việc thay đổi thiết kế mái dốc mố A2 và bỏ đường gom Km47+123–Km47+204 xã B, huyện T đã dẫn đến diện tích 272m<sup>2</sup> đất của gia đình ông H, bà H1 không còn nằm trong đất của đường bộ. Tuy nhiên, thể hiện tại Biên bản

xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 29/12/2021 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam (BL155) và xác định của UBND nhân dân huyện T tại phiên đối thoại ngày 05/7/2022 (BL165): hộ ông H là trường hợp duy nhất có đất ở và nhà ở nằm trong hàng lang giao thông 17m của Đ1 và ông H không được phép xây dựng, sửa chữa nhà; đã cho thấy, việc thay đổi thiết kế đã xâm phạm trực tiếp đến quyền quản lý, sử dụng đất đai của người sử dụng đất đang có giấy tờ hợp pháp về đất theo quy định của Luật đất đai. Bên cạnh đó, sau khi Đ1 đi vào khai thác, sử dụng thì nhà ở của gia đình ông H, bà H1 bị rạn nứt, đất ở bị sụt lún, bị ngập khi mưa lớn làm cho gia đình ông H, bà H1 không thực hiện được mục đích sử dụng đất được giao và ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt bởi tiếng ồn cũng như lo sợ về sức khỏe và tính mạng. Vì vậy, Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn H, bà Nguyễn Thị H1: buộc UBND huyện T ban hành quyết định thu hồi đất và Quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị H1 đối với thửa đất số 854, tờ bản đồ số 05, diện tích 272m<sup>2</sup> tại tổ 5, thôn M, xã B, huyện T là có căn cứ, đúng quy định của khoản 1, khoản 3 Điều 14 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP) của Chính phủ; điểm a khoản 4 Điều 56 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ: “Điều 56. Đất xây dựng công trình công cộng có hành lang bảo vệ an toàn

1 ...

4. Tổ chức trực tiếp quản lý công trình có hành lang bảo vệ an toàn có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và Phòng Tài nguyên và Môi trường nơi có công trình rà soát hiện trạng sử dụng đất trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn công trình để kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết theo quy định sau:

a) Trường hợp sử dụng đất có ảnh hưởng đến việc bảo vệ an toàn công trình hoặc trường hợp hoạt động của công trình có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống, sức khỏe của người sử dụng đất thì cơ quan có chức năng quản lý nhà nước đối với công trình tiến hành thẩm định mức độ ảnh hưởng, nếu phải thu hồi đất thì đề nghị Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền để quyết định thu hồi đất đó. Người có đất thu hồi được bồi thường, hỗ trợ đối với đất và tài sản gắn liền với đất đã có từ trước khi hành lang an toàn công trình được công bố, tái định cư theo quy định của pháp luật.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc UBND huyện T ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị H1 đối với thửa đất số 854, tờ bản đồ số 05 là đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất.

[2.3] Ngoài ra, tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kháng cáo còn cho rằng: Dự án đường cao tốc đã hoàn thành và đã kết thúc nên UBND huyện T không có thẩm quyền thu hồi đất của hộ ông H, bà H1. Tuy nhiên, việc thu hồi đất của dự án đường cao tốc Đ1 đã được UBND tỉnh Quảng Nam ủy quyền cho UBND huyện T thu hồi đất để thực hiện dự án và thực tế UBND huyện T đã ban hành quyết định thu hồi đất của hộ ông H, bà H1. Mặt khác theo điểm a khoản 2 Điều 66 Luật đất đai và điểm a khoản 4 Điều 56 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về trường hợp thu hồi đất của cá nhân, hộ gia đình ông H, bà H1 thuộc thẩm quyền UBND cấp huyện, tức là thẩm quyền của UBND huyện T. Đồng thời theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP) của Chính phủ thì chủ đầu tư của dự án đường cao tốc có trách nhiệm phê duyệt lại dự án khi dự án đã được phê duyệt: *“Trường hợp dự án đã được phê duyệt thì...phê duyệt lại...”* như ý kiến của đại diện Tổng công ty Đầu tư phát triển Đ tại phiên tòa sơ thẩm. Vì vậy, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kháng cáo không được chấp nhận.

[3] Từ các nhận định trên, bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, bà H1 như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của người bị kiện và giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

[4] Do bị bác đơn kháng cáo nên người kháng cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Các Quyết định khác của bản án không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Bác kháng cáo của người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 78/2022/HC-ST ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Người kháng cáo là Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ số tiền 300.000 đồng

tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0000255 ngày 02/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

3. Các Quyết định khác của bản án không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Phạm Ngọc Thái**